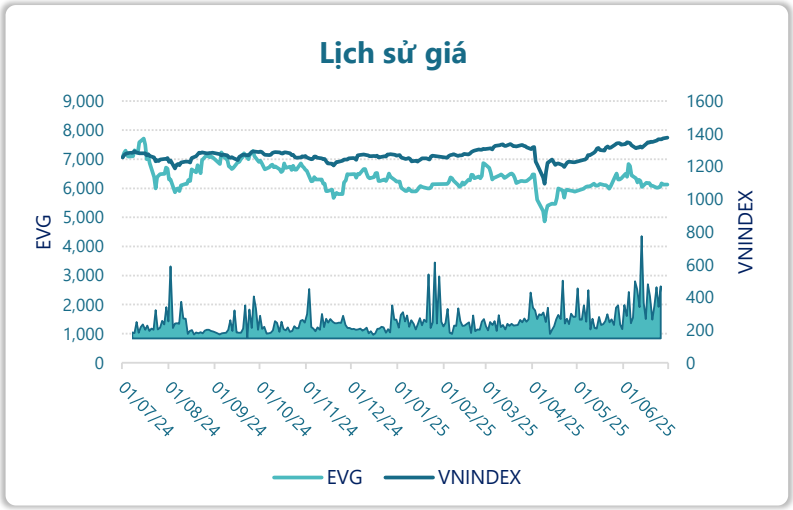
FireAnt

CTCP Tập đoàn Everland (HSX: EVG)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**6,130**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	7,710
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	4,860
SL cổ phiếu LH	215,249,836
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,325,770
% sở hữu nước ngoài	0.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,319
P/E	38.3
EPS	160

DT thuần

Q2/25

195

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 3.00| 1.8%

YoY: ▼291| -59.8%

LN sau thuế

Q2/25

10.6

tỷ VNĐ

QoQ: ▼0.90| -7.6%

YoY: ▼11.1| -51.0%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

8.1%

+/- YoY: ▲ 1.7%

DT thuần

6T 2025

387

tỷ VNĐ

YoY: ▼243| -38.5%

LN sau thuế

6T 2025

22.1

tỷ VNĐ

YoY: ▼6.10| -21.7%

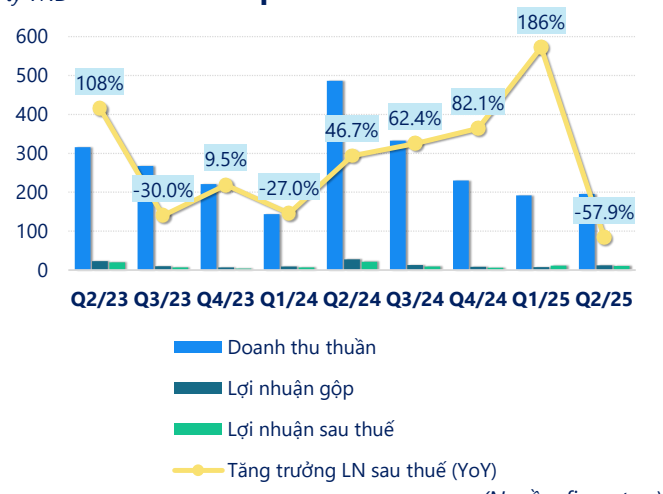
ROE

Q2/25

1.3%

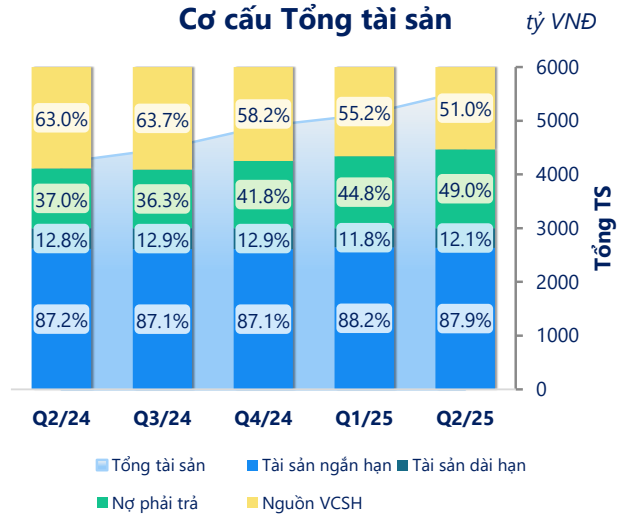
+/- YoY: ▼ 0.1%

Kết quả kinh doanh



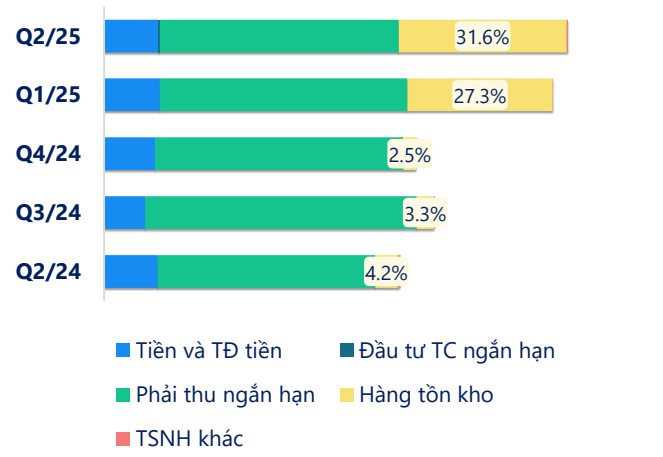
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



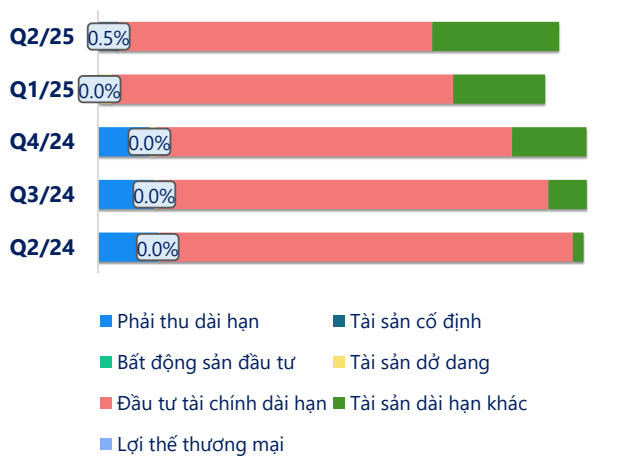
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



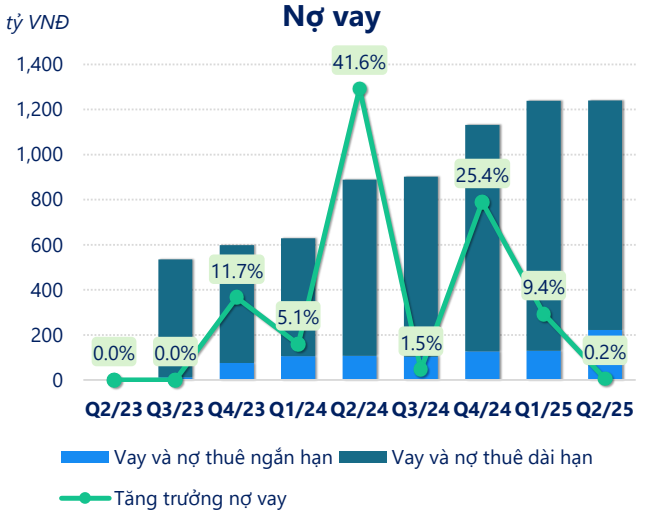
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



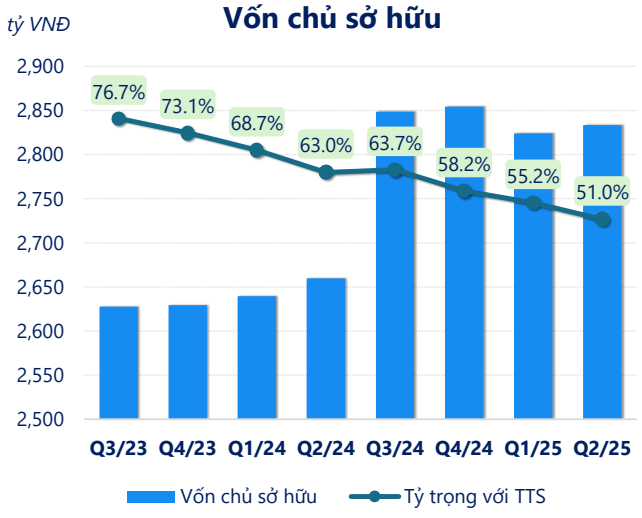
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



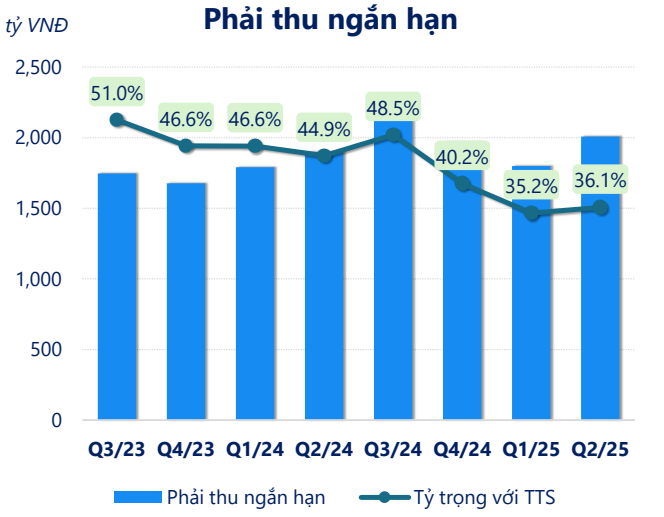
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



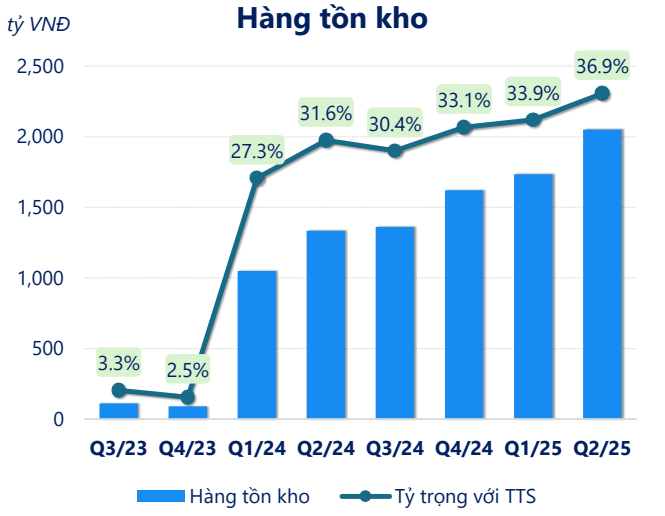
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



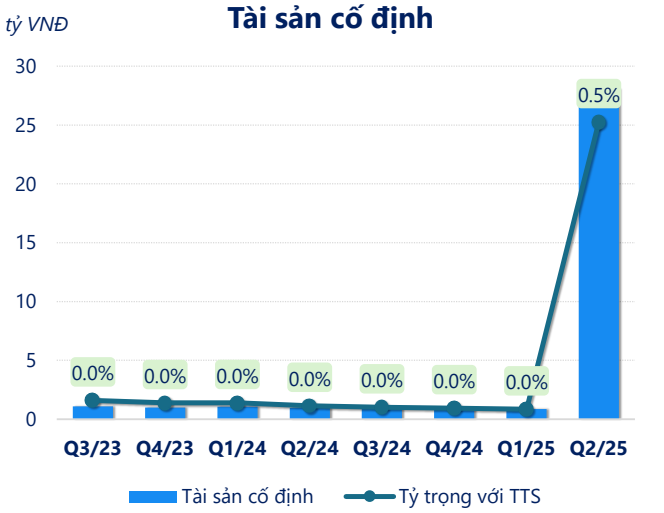
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



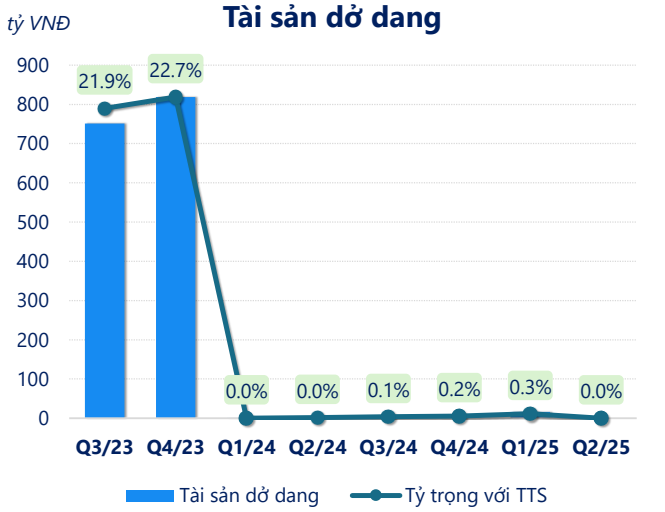
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



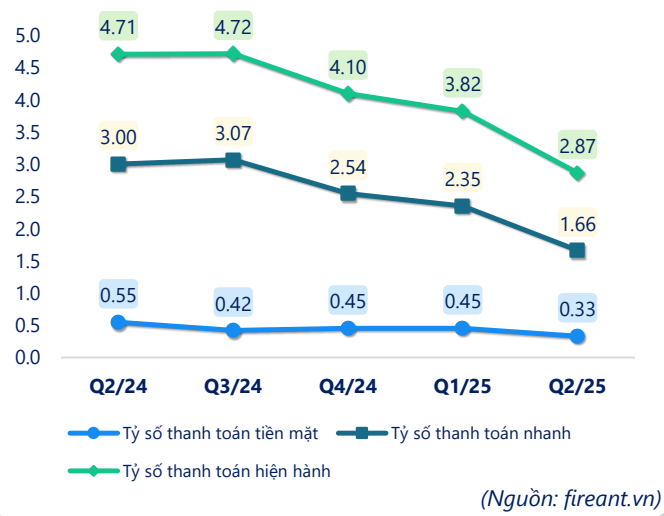
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



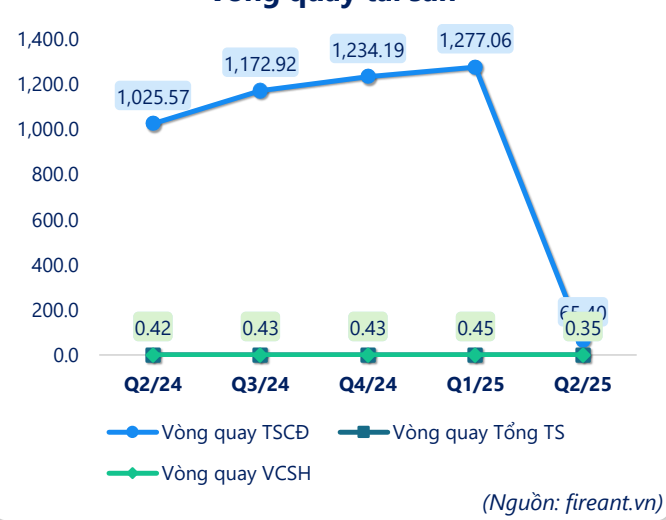
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**4,223**	**4,475**	**4,901**	**5,113**	**5,556**
Tài sản ngắn hạn	**3,683**	**3,899**	**4,270**	**4,511**	**4,881**
Tiền và tương đương tiền	428	348	471	536	563
Đầu tư tài chính ngắn hạn	14.0	14.0	194	418	225
Phải thu ngắn hạn	1,898	2,170	1,969	1,799	2,007
Hàng tồn kho	1,334	1,361	1,620	1,733	2,049
Tài sản ngắn hạn khác	10.2	6.23	16.5	23.9	36.6
Tài sản dài hạn	**540**	**576**	**630**	**602**	**674**
Phải thu dài hạn	66.0	66.0	66.0	1.76	1.66
Tài sản cố định	0.97	0.91	0.93	0.87	28.1
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	1.58	4.44	7.85	16.1	0
Đầu tư tài chính dài hạn	460	460	460	460	460
Tài sản dài hạn khác	12.0	45.1	96.1	124	185
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**1,564**	**1,626**	**2,046**	**2,289**	**2,722**
Nợ ngắn hạn	**782**	**827**	**1,042**	**1,180**	**1,703**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	107	103	127	129	221
Phải trả người bán ngắn hạn	222	179	221	220	411
Nợ dài hạn	782	800	1,005	1,109	1,019
Vay và nợ thuê dài hạn	782	799	1,005	1,109	1,019
Nguồn vốn chủ sở hữu	**2,660**	**2,849**	**2,854**	**2,824**	**2,833**
Vốn chủ sở hữu	**2,660**	**2,849**	**2,854**	**2,824**	**2,833**
Vốn điều lệ	2,152	2,152	2,152	2,152	2,152
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)